

Số: 4546/LĐTBXH-BTXH

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2023

V/v Báo cáo kết quả kết nối
DVCTT và rà soát, cập nhật
dữ liệu đối tượng BTXH

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn thiện, hướng dẫn các địa phương sử dụng hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội.

Đến nay có 58/63 tỉnh, thành phố đã hoàn thành việc kết nối Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách TGXH trực tuyến với hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh (5 tỉnh Lai Châu, Khánh Hòa, Quảng Bình, Bạc Liêu, Quảng Ninh chưa hoàn thành); việc kết nối và triển khai thủ tục hành chính liên thông “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng” đã triển khai trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, việc rà soát, cập nhật, bổ sung dữ liệu và xác thực định danh điện tử chưa được quan tâm làm sạch, cập nhật bổ sung đầy đủ tại một số địa phương; còn 49/705 huyện chưa cập nhập biến động thường xuyên từ tháng 7-9/2023 (Có Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo).

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo Sở Thông tin Truyền thông là cơ quan đầu mối phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan cung cấp Công dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh rà soát, hoàn thiện các lỗi kết nối với hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Riêng 5 tỉnh (Lai Châu, Khánh Hòa, Quảng Bình, Bạc Liêu, Quảng Ninh) chưa hoàn thành kết nối, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản báo cáo tiến độ và cam kết thời hạn hoàn thành.

2. Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan khẩn trương hoàn thành việc làm sạch, cập nhật, bổ sung dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội còn thiếu theo yêu cầu của hệ thống (CCCD, ĐDCN, giới tính, dân tộc, số và ngày Quyết định hưởng chính sách cập nhật biến động tăng, giảm hàng tháng, tổng hợp báo cáo và lập danh sách chi trả trên Hệ thống đăng ký, giải quyết

chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội tại đường link dvcbtxh.molisa.gov.vn.

3. Báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội) trước ngày 15/11/2023. Thông tin chi tiết liên hệ: Cục Bảo trợ xã hội (đ/c Nguyễn Thủy Nguyên, điện thoại: 0984.143.288; Email: cucbaotroxahoi@molisa.gov.vn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Hài (để biết);
- Văn phòng Bộ;
- Trung tâm Công nghệ Thông tin;
- Lưu: VT, BTXH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Bá Hoan



PHỤ LỤC 1

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG THIẾU MỘT SỐ TRƯỜNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

(Kèm theo Công văn số 4546/LĐTBBXH-BTXH ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Tên tỉnh	Thiếu số CCCD/ĐDCN*	Thiếu thông tin giới tính	Thiếu thông tin dân tộc	Thiếu thông tin QĐ hưởng CS
1	Hà Nội	28487	3258	13835	170572
2	Hà Giang	4240	4098	12602	38211
3	Cao Bằng	3017	374	1179	25389
4	Bắc Kạn	1117	105	798	13999
5	Tuyên Quang	1176	102	2018	34240
6	Lào Cai	2240	114	789	18479
7	Điện Biên	3654	415	1532	29773
8	Lai Châu	2504	65	652	14442
9	Sơn La	4641	603	1883	38368
10	Yên Bái	4112	46	1418	25495
11	Hòa Bình	2634	232	1343	29285
12	Thái Nguyên	7353	496	1805	38770
13	Lạng Sơn	3986	156	1638	29063
14	Quảng Ninh	7795	291	2303	39592
15	Bắc Giang	14192	791	3991	60617
16	Phú Thọ	8141	73	4012	54266
17	Vĩnh Phúc	7291	350	2288	39944
18	Bắc Ninh	24726	19480	30585	64954
19	Hải Dương	6901	1134	3950	78619
20	Hải Phòng	11844	383	977	76225
21	Hưng Yên	7705	662	6389	56807
22	Thái Bình	4572	253	3191	99330
23	Hà Nam	12643	9110	11522	45344
24	Nam Định	10591	165	1705	81722
25	Ninh Bình	3506	228	582	45200

26	Thanh Hóa	28107	1722	7847	161109
27	Nghệ An	53313	9620	19497	140701
28	Hà Tĩnh	2805	38	1483	51033
29	Quảng Bình	6953	871	2983	42575
30	Quảng Trị	3301	100	2301	35900
31	Thừa Thiên Huế	11513	3992	14437	57101
32	Đà Nẵng	10590	3980	6655	27485
33	Quảng Nam	17085	1223	29167	42824
34	Quảng Ngãi	8388	310	5289	75679
35	Bình Định	5932	479	5334	87610
36	Phú Yên	5558	45	2440	47947
37	Khánh Hòa	4991	81	5506	37884
38	Ninh Thuận	4077	593	1102	21184
39	Bình Thuận	4238	259	1225	37434
40	Kon Tum	3016	54	615	17568
41	Gia Lai	9607	46	405	35093
42	Đắk Lắk	9264	568	3577	58895
43	Đắk Nông	1727	244	557	10381
44	Lâm Đồng	6593	469	10494	21143
45	Bình Phước	5403	1946	2867	22333
46	Tây Ninh	7636	625	1591	37309
47	Bình Dương	8438	4417	5110	29062
48	Đồng Nai	18445	912	3436	71709
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	8861	1541	2458	25957
50	Hồ Chí Minh	24238	4075	12619	118778
51	Long An	8020	74	1247	61857
52	Tiền Giang	9912	616	6116	77635
53	Bến Tre	8267	260	865	56989
54	Trà Vinh	7366	434	9514	11623
55	Vĩnh Long	13830	570	1158	42093
56	Đồng Tháp	12740	408	2541	33040

57	An Giang	21264	124	7925	75494
58	Kiên Giang	17841	665	5068	46208
59	Cần Thơ	10165	1278	3161	38059
60	Hậu Giang	4109	132	902	26195
61	Sóc Trăng	17829	1915	8661	42284
62	Bạc Liêu	6432	1901	7993	28496
63	Cà Mau	10815	145	1154	52641
	Tổng cộng	607.737	89.716	318.287	3.156.014

* Thiếu số CCCD/ĐDCN bao gồm các trường hợp không có CCCD/ Mã định danh hoặc có CCCD/Mã định danh nhưng không đủ 12 số

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KHÔNG CẬP NHẬT BIẾN ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN TỪ THÁNG 7-9/2023

(Cập nhật đến 10h00 ngày 06/10/2023)

(Kèm theo Công văn số 4546/LĐTBOXH-BTXH ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ
Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Tên Tỉnh/Thành phố	TT huyện	Tên Quận/ Huyện
1	Hà Giang	1	Huyện Bắc Mê
2	Lào Cai	2	Huyện Bát Xát
3	Điện Biên	3	Huyện Tuần Giáo
4	Lai Châu	4	Huyện Tân Uyên
		5	Huyện Nậm Nhùn
5	Sơn La	6	Huyện Mường La
6	Yên Bái	7	Huyện Mù Cang Chải
7	Lạng Sơn	8	Huyện Tràng Định
		9	Huyện Bình Gia
		10	Huyện Văn Lãng
8	Vĩnh Phúc	11	Huyện Tam Dương
9	Hải Dương	12	Huyện Nam Sách
		13	Thị Xã Kinh Môn
		14	Huyện Cẩm Giàng
10	Hải Phòng	15	Quận Đồ Sơn
		16	Huyện An Lão
11	Hà Nam	17	Huyện Kim Bảng
12	Thanh Hóa	18	Huyện Như Xuân
13	Nghệ An	19	Huyện Quỳnh Lưu
14	Phú Yên	20	Huyện Tuy An
15	Bình Thuận	21	Thị Xã La Gi
16	Kon Tum	22	Huyện Đắk Tô
		23	Huyện Đắk Hà
		24	Huyện Sa Thầy
		25	Huyện Tu Mơ Rông
17	Đắk Lắk	26	Huyện Krông Năng

18	Lâm Đồng	27	Thành Phố Bảo Lộc
19	Bình Phước	28	Thị Xã Phước Long
		29	Thành Phố Đồng Xoài
		30	Huyện Bù Gia Mập
		31	Huyện Lộc Ninh
20	Bà Rịa - Vũng Tàu	32	Huyện Châu Đức
		33	Huyện Xuyên Mộc
		34	Huyện Long Điền
		35	Huyện Đất Đỏ
		36	Thị Xã Phú Mỹ
21	Long An	37	Huyện Đức Hòa
22	Bến Tre	38	Huyện Châu Thành
		39	Huyện Chợ Lách
		40	Huyện Mỏ Cày Nam
		41	Huyện Giồng Trôm
		42	Huyện Ba Tri
		43	Huyện Thạnh Phú
23	Kiên Giang	44	Huyện Gò Quao
24	Sóc Trăng	45	Huyện Kế Sách
		46	Huyện Mỹ Tú
		47	Huyện Cù Lao Dung
		48	Thị Xã Vĩnh Châu
		49	Huyện Trần Đề